

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 181

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI
THÔNG TÀI

SỐ 2036
(QUYỂN 3 → 22)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2036

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 3

CHU CHIÊU VƯƠNG (Kỷ Sửu, Quý Sửu)

Tên là Hà con của Khương Vương. Vương đạo suy vi, ông tuân thú phía Nam, do thuyền bị chìm và ông mất. Ông trị vì được năm mươi một năm.

Ngày tám tháng tư năm thứ hai mươi lăm, Bậc Đại Thánh hiện điềm lành Voi trắng, cỡi mây đi xuống, đất chấn động bảy cách. Ngài giáng trần trong thai, đi vào từ hông bên phải, chử đầu như cầu vòng xuất hiện, biểu trưng Thánh Nhân nhập diệt.

THẾ TÔN GIÁNG SINH:

Giáp Dần: Ngày tám tháng hai, Thế Tôn đản sinh dưới bóng cây Sa-la-xoa, trong vườn Lâm-tỳ-ni ở nước Ca-tỳ-la-vệ. Ngài xuất thai từ hông bên phải của hoàng hậu Ma-gia. Ngài thuộc dòng dõi Sát-lợi, cha là Tịnh Phạn thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh. Lúc ngài sinh có chín con rồng phun nước tắm. Sau khi tắm trong bồn vàng xong, ngài bước đi bảy bước và nói: “Ta thọ thân lần này là lần sau cùng, trên trời dưới đất chỉ ta là bậc tôn quý”.

Ngài có ba mươi hai tướng đại nhân, thân tướng đẹp đẽ, vô cùng trang nghiêm. Ba mươi hai tướng tốt này, các kinh ghi chép có phần khác nhau. Nay chỉ y cứ theo một thuyết; ba mươi hai tướng đó là:

- Lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn.
- Dưới bàn chân có một ngàn nan hoa như bánh xe.
- Tay mềm dẻo như lụa Đâu-la.
- Giữa các ngón tay có lớp màng mỏng như ngỗng chúa.

5. Các ngón tay thon dài.
6. Gót chân đầy đặn.
7. Mu bàn chân nổi cao.
8. Hai cánh tay căng tròn.
9. Hai bắp chân đầy đặn như bắp chân nai chúa Y-ni-diên.
10. Nam căn ẩn kín bên trong như Tượng vương, Mã vương.
11. Lông trên thân màu xanh xoay qua phải.
12. Lông tóc đều xoáy lên trên.
13. Da trên thân màu vàng.
14. Da mịn không dính bụi.
15. Bảỵ nơi đều đầy đặn.
16. Vai, cổ rất đẹp.
17. Hai nách đầy.
18. Dung nghi hồng hào.
19. Thân tướng đoan nghiêm.
20. Toàn thân tròn trịa.
21. Cằm, ngực như Sư tử.
22. Ánh sáng trên thân chiếu xa một trượng.
23. Răng trắng, đều, khít.
24. Bốn mươi cái răng sáng sạch.
25. Cổ họng thường có tân dịch thượng vị.
26. Lưỡi che kín cả mặt.
27. Tiếng Phạm âm tấn-già.
28. Tướng mắt xanh biếc.
29. Mắt như Ngưu vương.
30. Mặt như trăng tròn.
31. Lông trắng giữa hai chân mày.
32. Tướng nhục kế trên đỉnh đầu.

Lại có tám mươi vẻ đẹp tùy hình, như trong kinh Bát-nhã... có nói rất đầy đủ.

Bính Thìn: Thái tử được ba tuổi, phụ vương dẫn ngài vào lễ miếu thờ thần, tượng thần đều đứng cả dậy, phụ vương thất kinh thốt lên: Con ta quả thật là Bạc Thiên Trung Thiên.

Canh Thân: Thái tử được bảy tuổi đến bái kiến các danh sư để học tập thư điển thế gian.

Quý Hợi: Thái tử được mười tuổi, cùng mấy anh em trong dòng tộc thử sức. Ngài dùng tay nhấc bổng một con voi ở ngoài thành, bắn tên xuyên thủng bảy lớp trống sắt.

THẾ TÔN XUẤT GIA:

Giáp Tý: Thái tử dạo chơi bốn cửa thành thấy các cảnh sinh, lão, bệnh, tử.

Ngài dạo chơi cửa Bắc gặp một người xuất gia, trong tâm rất vui mừng. Đêm tám tháng hai, Tịnh cư thiên cảnh báo rằng: Thời gian Thái tử xuất gia đã đến! Ngài liền cỡi ngựa vượt thành, đến núi Bàn-đặc, dùng kiếm cắt tóc, vào vùng A-lam-ca ở Di-lâu sơn tu tập Vô sở hữu xứ định.

Mậu Dần: Ở đây ghi theo thuyết: Sáu năm khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo.

Có thuyết nói: Xuất gia ngày tám tháng mười hai. Các bộ phái đều có những thuyết rất khác nhau. Trong số của ngài Huyền Tấn nói: Tổng hợp các dị thuyết ấy, đúc kết thành hai thuyết sau:

Tiểu thừa bộ: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Trong kinh Bản Khởi, Nhân Duyên, cũng nói mười chín tuổi xuất gia. Trong kinh Tư Duy Vô Tướng Tam-muội nói: Ba mươi tuổi thành đạo. Trong Trí Độ Luận cũng nói mười chín tuổi xuất gia, nhưng không nói thành đạo vào lúc nào.

Đức Phật trụ thế chính xác là tám mươi năm. Có thuyết nói: mười chín tuổi xuất gia, năm năm thờ tiên nhân tu lạc hạnh, sáu năm tu khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo. Đại Trí Độ Luận theo thuyết này.

Tiểu thừa và Đại thừa bộ: Hai mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm và Tạp A-hàm, kinh Xuất Diệu và Tu Mật Luận đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia.

Kinh Bi Hoa, Thiện Kiến luận nói: Ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong kinh Bản Khởi nói: Ba mươi lăm tuổi thành đạo.

Trong bài kệ dẫn kinh của Bồ-đề-lưu-chi ghi:

*Tám năm làm anh nhi
Bảy năm làm đồng tử
Ba năm học ngũ minh
Mười năm hưởng dục lạc,
Sáu năm tu khổ hạnh
Ba mươi lăm tuổi thành đạo
Trong bốn mươi lăm năm
Giáo hóa khắp chúng sinh.*

Ngài Chân Đế và trong Tây Vực ký đều nói y như đây. Kinh Kim Quang Minh, kinh Báo Ân... đều nói Phật thọ tám mươi tuổi. Nếu mất

năm Giáp Tý thì ngài mới bảy mươi chín tuổi.

(Giải thích sơ lược bài kệ:

Ngũ minh: Du-già luận giải thích:

1- Nội minh: Có hai loại tướng:

a. Hiện bày quả của chánh nhân.

b. Những gì đã làm thì không mất, những gì chưa làm thì không có được.

2. Nhân minh: Có hai loại tướng:

a. Bẻ gãy tha luận.

b. Thoát khỏi tha luận.

3. Thanh minh: Có hai loại tướng:

a. An lập cảnh giới. Và khả năng thành lập.

b. Ngôn ngữ khéo léo.

4. Y phương minh: Có bốn loại tướng:

a. Khéo léo nêu bày cái gốc của bệnh.

b. Khéo léo chỉ bày nguyên nhân của bệnh.

c. Chỉ bày cách trị rồi lại phát sinh.

d. Chỉ bày cách trị rồi không tái sinh.

5. Công xảo minh: Các thiện pháp trong thế gian.

Giải thích về tam đoạn và lục nghệ:

- Tam đoạn:

a. Có tài về văn chương.

b. Có tài về võ thuật.

c. Có tài về biện luận.

- Lục nghệ:

a. Lễ: Khiêm cung với người lớn kẻ nhỏ.

b. Nhạc: Biết suốt về phong tục.

c. Thư: Có bát thể và lục thư.

c. Số: Thông suốt toán số.

d. Xạ: Có tài bắn giỏi.

e. Ngự: Khéo điều phục voi.

Khi còn trong cung, Thế Tôn vốn bẩm tính nhân từ, khiêm cung, đó là lễ. Ngài hiểu khắp phong tục các xứ, đó là nhạc. Hiểu thấu sáu mươi bốn thư tịch, đó là thư. Thông suốt một trăm hai mươi phép toán số, đó là số. Bắn thủng chín lớp trống sắt, đó là xạ. Xách nổi con voi lớn cản đường, đó là ngự (còn lại như kinh luận có nói rất rõ).

MỤC VƯƠNG (Canh Thìn)

Tên là Mãn, con của Chiêu Vương, dùng Tháo Phụ làm ngựa sứ, khi đi thì có tám ngựa kéo xe, một ngày đi cả ngàn dặm (có ghi chép đầy đủ trong Chu Sử). Ông trị vì được năm mươi lăm năm (năm mươi tuổi lên ngôi, thọ một trăm lẻ bốn tuổi). Ông lập ra Phủ hình. Vua ban lệnh cho phủ hầu Lữ Cấp làm tư khấu, tăng hình nhẹ, giảm hình nặng. Căn cứ ngũ hình lập thành ba ngàn hình phạt. Trong đó tội thích chữ lên mặt, tội cắt mũi mỗi thứ một ngàn hình phạt. Tội chặt chân là năm trăm hình phạt. Tội nhốt trong cung là ba trăm, tội bị đầy là hai trăm. Đây gọi là Hiếu kinh phủ hình. Thời bấy giờ có tượng gỗ (khối lỗi) (làm từ Yến sư, xong mới hiến cho vua) và hóa nhân (Bắc Sơn nói: Bấy giờ có hóa nhân từ Tây Vực đến. Người này có thể thay núi, châu; dời thành ấp, vào trong nước lửa, xuyên qua vách núi, thiên biến vạn hóa, không sao lường nổi. Nhà vua tôn kính họ như bậc Thánh, xây dựng Trung thiên đài cho họ ở. Đó là hóa thân của Văn-thù và Mục-kiền-liên, nhưng vua chẳng hề biết họ là đệ tử của Phật).

THẾ TÔN THÀNH ĐẠO (Quý Mùi)

Sau khi tu hết sáu năm khổ hạnh, ngài đến sông Hy Ni Liên tắm rửa, nhận bát sữa của người nữ chăn bò, ngài đến dưới cội Bồ-đề, lấy cỏ Kiết tường trải làm tòa Kim cang, tư duy bốn mươi chín ngày đêm liền thành Chánh giác, hiệu là Thiên Nhân Sư, viên mãn Nhất Thiết Trí. Ngài trụ thế giáo hóa suốt bốn mươi chín năm, giảng thuyết đủ ba thời kỳ là Sơ thiện, Trung thiện và Hậu thiện. Ngài dùng nghĩa lý có không để phá chấp có chấp không, lia Nhị biên, trụ trung đạo, tùy theo căn cơ chúng sinh lợi hay độn mà thuyết pháp giáo hóa khiến họ tấn tu. Vì vậy ngài khai diễn phương tiện thành tám mươi bốn ngàn pháp môn tu, cứu độ khắp chúng sinh, chỉ họ thấy lý nhân quả, đoạn ác làm lành, chỉ cho họ thấy đâu là phàm tình, đâu là Thánh quả. Chúng sinh từ đây có người để nương tựa.

Giáp Thân: Ngài bắt đầu vào vườn Lộc uyển độ năm Tỳ-kheo, độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng một ngàn người xuất gia.

Ất Dậu: Đức Phật thuyết pháp cho rồng, quỷ... ở núi Tượng đầu.

Bính Tuất: Đức Phật độ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi người nữa xuất gia.

Đinh Hợi: Trưởng giả Tu-đạt lột vàng mua vườn Kỳ-đà, dựng lập tinh xá cúng dường cho Phật.

Mậu Tý: Đức Phật nói pháp khổ hạnh, giảng kinh Bát-nhã... cho

Bồ-tát Bà-đà-hòa tại nước Câu-da-ni.

Kỷ Sứ: Đức Phật thuyết pháp cho vua Thuần-chân-đà-la... ở tại Liễu sơn.

Canh Dần: Đức Phật thuyết pháp cho A-quật-ma tại khu đầm lầy và ngài lên cung trời Đao-lợi.

NGUỒN GỐC CỦA TƯỢNG CHIÊN ĐÀN:

Sau khi thành đạo được tám năm, Đức Phật lên cung trời Đao-lợi, nói pháp cho mẹ ngài suốt ba tháng. Bảy giờ quốc vương nước Ưu-điền rất ái mộ và thương nhớ ngài. Vua sai ông Mục-kiền-liên và Tỳ-thủ-yết-ma thiên hóa làm người tạc tượng bay lên cung trời nhìn ngắm nghi dung tướng tốt của Phật, rồi dùng gỗ Chiên-đàn khắc tượng của ngài để cúng dường. Sau ba tháng thuyết pháp, Đức Phật về lại nhân gian. Vua, đại thần cùng muôn dân trong nước đều đi nghênh đón Phật. Lúc ấy tượng Chiên-đàn liền bay bổng lên không trung, tiến tới trước Phật chấp tay thăm hỏi. Phật xoa đầu tượng và thọ ký rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm, ông hãy qua nước Chấn Đán làm lợi ích khắp trời người.

Tân Mão: Phật trở về nước Ma-kiệt thuyết pháp cho vua Phất-sa...

THẾ TÔN THUYẾT PHÁP:

Nhâm Thìn: Phật giảng thuyết kinh Tu Hành Bản Khởi cho ngài Di-lặc.

Quý Ty: Phật trở về nước Ca-tỳ-la thuyết pháp cho phụ vương (kinh Phổ Diệu có ghi lại việc này).

Mậu Tuất: Phật nói kinh Đại tập... trong Dục giới và Sắc giới.

Kỷ Hợi: Phật bắt đầu thuyết pháp tám bộ Bát-nhã trong mười sáu hội.

Tân Sửu: Phật bắt đầu thúc liễm đồ chúng, lập ra giới luật.

Bính Ngọ: Em của Phật là A-nan bắt đầu xuất gia.

Tân Hợi: A-nan thỉnh Phật độ Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề... xuất gia.

Giáp Tý hai mươi chín. (Tân Mùi): Phật thuyết kinh Kim Quang Minh, cùng Pháp Hoa... trên hội Linh sơn. Năm này Thế Tôn niêm hoa thị chúng. Bảy giờ cả trăm vạn trời, người đều mờ mịt chẳng hiểu, chỉ có Kim Sắc Đầu-đà (Ca-diếp) phá nhan mỉm cười. Thế Tôn nói: Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn Diệu Tâm, Pháp môn vi diệu thật tướng vô tướng, nay giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn! Đồng thời truyền cho A-nan là người thứ hai kế thừa việc truyền pháp giáo hóa.

Nghe ta nói kệ:

*Pháp vốn là pháp vô pháp
Pháp vô pháp thấy đều là pháp
Ngày nay trao phó vô pháp này
Pháp pháp đâu từng chỉ là pháp.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ xong, lại bảo Ca-diếp rằng: Nay Ta đem Kim lũ Tăng-già-lê trao truyền cho ông, ông giao lại cho bồ xứ Từ Thị, chớ để đứt mất. (Việc niêm hoa sẽ nói đến trong phần quốc vương nước kinh hởi Phật Tuệ Thiên sư. Trong ấy có đoạn “Tôi thấy trong kinh Quốc Vương Vấn Phật...” “... vì kinh này phần nhiều nói đến việc của quốc vương, kinh được cất giữ trong Mật phủ, nên người đời sau chẳng hề được nghe.”)

THẾ TÔN NHẬP NIẾT BÀN:

Nhâm Thân: Ngày rằm tháng hai, Thế Tôn nhập Niết-bàn. Phật ứng thế bảy mươi chín năm. Việc Hóa độ đã xong. Ngài an tu dưới cây Sa-la bên dòng sông kinh Sa-bạt-đề tại nước Câu-thi-na. Sau khi giảng kinh Niết-bàn và Di Giáo xong. Đức Phật an trụ trong ánh quang minh Thường tịch diệt tên là Đại Niết-bàn, ngài nằm nghiêng về bên phải. Đêm ấy, không gian hoàn toàn vắng lặng, không một tiếng động. Sau đó trà-tỳ kim thân ngài, thân được tám học bốn đầu xá-lợi. (Trong đoạn trước và đoạn sau kinh Niết-bàn ghi lại việc này rất rõ).

Bấy giờ, hư không xuất hiện một cầu vồng trắng có mười hai đường xuyên suốt từ Bắc qua Nam, tụ hoài chẳng tan. Mục Vương hỏi thái sử Hồ Đa rằng: Đó là điềm gì?

Đa đáp: Phương Tây có Bạc Đại Thánh Nhân diệt độ, nên hư không hiện tượng suy này.

Vua nói: Trẫm thường lo sợ người này, nay ông ấy diệt độ rồi, Trẫm còn lo lắng gì nữa!

Bấy giờ, các quốc vương Tây Trúc dùng gỗ thơm trà-tỳ kim thân, chia xá-lợi dựng tháp cúng dường. Tính ra ở Chấn Đán an trí xá-lợi tổng cộng mười chín nơi.

Ất Hợi: Cung vương: Tên là Ế Hồ, con của Mục Vương. Ông rất có đức và sáng suốt, trị vì được mười hai năm. Vua thường chu du ở vùng kinh thượng. Mật Khương Công có ba nữ tỳ theo hầu, Khương Công nhận hết mà chẳng dâng vua, vì thế mà vua giết Mật).

Đinh Hợi: Ý Vương: Tên là Hy con của Cung vương, đạo nhà Chu suy, ông bị Thi Nhân mưu sát, dời đô về Hòe Lý, sau lại dời về Phế

Khâu. Ông trị vì được hai mươi lăm năm (vua thứ năm của Tề là Ai Công hoang dân vô độ, vua ra lệnh nướng sống ông ấy).

HIẾU VƯƠNG (Nhâm Thân)

Tên là Tịnh Phương, em của Cung Vương, chú của Ý Vương. Thời vua này các nước láng giềng tiến dâng con hổ dài hai thước, lại tiến dâng bốn con tê giác. Ông trị vì được mười lăm năm.

TỔ 1: MA HA CA DIẾP (Bính Thìn)

Ngài thuộc dòng Bà-la-môn, người nước Ma-kiệt-đà. Cha là Ấm Trạch, mẹ là Hương Chí. Trong tiền kiếp ngài vốn là thợ luyện vàng, rất giỏi phân biệt tính chất vàng khiến ai nấy đều khâm phục.

Trong Phú Pháp Truyện chép: Trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thời của Phật Tỳ-bà-thi, sau khi Phật Niết-bàn, bốn chúng dựng tháp cúng dường. Trong tháp có pho tượng Phật được phết vàng, nhưng lâu ngày nên pho tượng bị khuyết lở ở phần mặt. Khi ấy có cô gái nhà nghèo cầm một đồng tiền vàng đến nhà ngài nhờ ngài nấu chảy để phết lại tượng Phật. Công việc hoàn thành, nhân đó hai người cùng nguyện rằng: “Hai chúng tôi nguyện là tri kỷ, thương nhau như vợ chồng”. Do nhân duyên đó, nên trong chín mươi mốt kiếp thân ngài đều có màu vàng. Sau sinh về cõi trời Phạm thiên, hết phước ở Phạm thiên, chết và sinh vào nhà của Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà với tên là Ca-diếp-ba. Ca-diếp-ba, Hán dịch là Ấm Quang Thắng Tôn, bởi vì thân ngài có màu vàng nên mới đặt tên đó. Từ nhỏ ngài đã quyết chí cầu xuất gia, vượt thoát ba cõi, ngài đến đảnh lễ Phật. Phật bảo: Lành thay! Tỳ-kheo hãy đến đây! hãy cạo bỏ râu tóc, quần đắp ca-sa!

Trong chúng hội, Phật thường khen ngài là người có hạnh Đâu-đà bậc nhất. Phật lại nói: “Ta đem Pháp nhãn thanh tịnh giao phó cho ông, ông phải khéo lưu truyền chớ để đoạn dứt”.

Kinh Niết-bàn chép: “Khi ấy Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, nhưng Ca-diếp không có mặt trong chúng hội.”

Thiền sư Tung (Động Sơn Hiếu Thông) có lời bình đoạn này trong Chánh Tông Ký như sau: Trong hội đầu tiên của kinh Niết-bàn, Phật bảo chư Tỳ-kheo: “Các ông không nên suy nghĩ như thế. Chánh pháp vô lượng mà ta vốn có, nay ta giao phó cho Ma-ha Ca-diếp. Ông ấy là chỗ nương tựa vững chắc cho các ông. Nhưng Chánh tông này, Thánh nhân chỉ mật truyền cho nhau, các ông không thể biết được ta truyền khi nào và truyền ở đâu”. Căn cứ đoạn kinh văn này thì Phật nói kinh Pháp

Hoa rồi sau đó nói kinh Niết-bàn. Như vậy hội Pháp hoa, Ca-diếp có tham dự, còn hội Niết-bàn thì không. Tôi cho rằng lúc truyền trao chánh pháp chính là thời gian ở khoảng giữa của hai hội ấy. Hoặc cũng có thể cho rằng, đã phú pháp trong lần niêm hoa trong hội Linh sơn. Có thuyết lại nói: Phó pháp trước tháp Đa tử. Thế nhưng chưa thấy kinh luận nào nói đến việc này. Tôi chỉ đưa ra vài ý kiến như vậy, nhưng cũng không dám chắc là hoàn toàn chính xác.”

Phật bảo các vị đại đệ tử: Khi nào Ca-diếp đến, các ông bảo ông ấy tuyên dương Chánh pháp nhân tạng.

Bấy giờ, Ca-diếp đang ở trong động Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, ngài nhìn thấy ánh quang minh sáng rực, nên liền vào Tam-muội, dùng Thiên nhãn thanh tịnh nhìa thấy Thế Tôn nhập Niết-bàn bên dòng sông Hy liên, bèn bảo với đồ chúng rằng: “Như Lai Niết-bàn rồi! Sao mà vội thế”!

Thế rồi ngài cùng đồ chúng tức tốc đến rừng Sa-la. Đến nơi, ngài khóc than rất thống thiết. Từ trong kim quan Phật duỗi hai bàn chân ra để an ủi ngài.

Lúc ấy, ngài bảo chư Tỳ-kheo: Phật đã được trà-tỳ xong, kim cang xá-lợi không phải là việc của chúng ta, mà nhiệm vụ chúng ta là phải kết tập pháp nhân ngay, đừng để đoạn dứt. Ngài bèn nói kệ:

*Đệ tử của Như Lai
Chớ vội nhập Niết-bàn
Người đã được thần thông
Nên đến để kết tập.*

Khi đó những vị đã chứng đắc thần thông đều nhóm họp trong động Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Lúc ấy A-nan chưa sạch lậu hoặc, nên không được tham dự. Ngay đó ông tinh tấn tu tập thiền định, chứng quả A-la-hán và được mời tham dự.

Ca-diếp thưa chúng hội rằng: “Tỳ-kheo A-nan là người nghe nhiều lại có trí tuệ nhớ lâu bậc nhất. Ông lại thường theo Phật, tu phạm hạnh thanh tịnh. Phật pháp chảy vào tai ông ấy chẳng khác nào nước rót vào bình không rơi ra ngoài một giọt. Phật đã từng ngợi khen ông ấy là người thông minh bậc nhất, nên mời A-nan kết tập kinh tạng.”

Chúng hội đều lặng yên đồng ý. Ca-diếp bảo A-nan: “Ông nay nên tuyên dương pháp tạng”. A-nan nghe vậy liền nhận lời. Ngài quán sát tâm của chúng hội rồi nói kệ rằng:

*Chư quyển thuộc Tỳ-kheo
Vắng Phật chẳng trang nghiêm*

*Ví như trong hư không
Nhiều sao mà không trăng.*

Nói bài kệ ấy xong, ngài đánh lễ đại chúng rồi lên tòa thuyết rằng: “Chính tôi được nghe, hôm đó Phật ở tại...nói kinh...” cho đến “trời, người... đều kính lễ vâng làm.”

Bấy giờ Ca-diếp hỏi đại chúng: Đại đức A-nan tụng đọc có chỗ nào sai lầm chăng? Chúng hội đồng thanh đáp: Chẳng khác những lời Thế Tôn đã nói.

Ca-diếp bảo A-nan rằng: Ta nay tuổi cũng đã cao, không sống được bao lâu nữa, nay ta đem chánh pháp giao phó cho ông, ông gắng mà giữ gìn, nghe ta nói kệ đây:

*Tất cả pháp từ xưa đến nay
Chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp
Tại sao ở ngay trong một pháp
Lại có pháp lại có phi pháp.*

Nói kệ xong, ngài bèn mang y Tăng-già-lê vào nhập định ở núi Kê tức dời đến Phật Di-lặc ra đời. Bấy giờ là năm Bính Thìn, đời Chu Hiếu Vương năm thứ năm.

TẦN PHI TỬ:

Giáp Tý ba mươi. (Đinh Mão)

Cha ông là con cháu của Cao Dương. Ban đầu Nữ Tu, Đại Nghiệp, Đại Phí làm tướng phò tá vua Thuấn. Mãnh Hý, Trung Diễn là huyền tôn của Đại Liêm, hình thù là mình chim, nói tiếng người, làm chức ngự trung cho Thái Vũ nhà Ân. Ban đầu Liêm vào đất Tần, về sau đến Bá Ế giúp vua Vũ trị thủy có công, nên được vua Thuấn ban cho họ Doanh. Phi Tử là con cháu người này. Chu Hiếu Vương sai ông chặn ngựa, sau được phong ở đất Tần với hiệu là Tần Doanh, sau này có Đức Công ở Ung thành (huyện Long thành, Tần châu). Đến Mục Công sau này mới xưng bá. Đến Chiêu Công, Tương Công thì xưng vương. Từ Phi Tử đến Tần Hâu, Công, Bá, Tần Trọng, Trang, Bình, Văn, Tuyên, Xuất, Vũ, Đức, Tuyên, Thành, Mục, Khương, Cung, Hoàn, Tương, Tuệ, Điệu, Lệ, Táo, Hoài, Linh, Giản, Tuệ, Xuất, Hiến, Hiếu, Tuệ, Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương. Tổng cộng ba mươi hai đời vua trị vì sáu trăm ba mươi tám năm.

DI VƯƠNG

Tên là Tiếp, con thứ của Ý Vương. Vương thất nhà Chu suy đời.

Chư hầu triều kiến, ông xuống khỏi ngai nghênh đón họ. Ông trị vì mười sáu năm.

LÊ VƯƠNG: (Quý Mùi)

Tên là Hồ, con của Di Vương. Ông bạo ngược vô đạo, muôn dân làm loạn nổi lên giết ông ở đất Trệ. Chu Bá, Triệu Bá trị vì cả bảy năm mười một năm.

TỔ 2: A NAN (Quý Ty)

Ngài thuộc dòng Sát-đế-lợi ở thành Vương xá. Cha là Học Phạm vương. Ngài là em chú bác với Phật. Tiếng Phạm là A-nan-đà, Hán dịch là Khánh Hỷ hay Hoan Hỷ, vì ngài đản sinh vào đêm Như Lai thành đạo nên có tên như thế. Ngài là người học rộng nghe nhiều, có một trí nhớ vô ngại. Thế Tôn thường ngợi khen ngài là người Tổng trì bậc nhất. Thêm vào đó, do đời trước tích tụ công đức, nên đời này ông lãnh nạp pháp tạng không hề sai sót chẳng khác nào nước chảy vào trong bình. Vì thế Phật bảo ông làm thị giả.

Vua A-xà-thế có lần thưa ngài rằng: Bạch nhân giả! Như Lai, Ca-diếp hai vị thầy tôn kính đều đã nhập Niết-bàn nhưng con chưa được thấy hai vị ấy nhập Niết-bàn. Khi nào nhân giả sắp nhập Niết-bàn, xin nhân giả đến từ biệt con.

Tôn giả A-nan hứa khả.

Về sau, A-nan tự nghĩ: “Thân ta tạm bợ giống bọt nước tụ lại, lại càng già yếu đâu thể sống mãi.” Ngài lại suy nghĩ: “Ta có hứa với vua A-xà-thế.” Vì thế ngài bèn đến cung vua và nói: Ta sắp nhập Niết-bàn, nên đến đây từ biệt nhà vua. Người giữ cửa nói: Đợi vua thức dậy, ông hãy thưa “A nan nói”. Khi vua thức dậy, ông thực lại dùm tôi”

Bấy giờ, vua mộng thấy có một bảo cái bằng bảy báu vô cùng trang nghiêm, đẹp lạ, lại có ngàn muôn ức người vây quanh chiêm ngưỡng. Bỗng có một trận gió mưa ào ào ập tới xô ngã bảo cái, trên bảo Anh lạc đều rơi cả xuống đất. Trong lòng nhà vua vô cùng kinh hãi.

Đến khi thức dậy nghe người giữ cửa thuật lại việc trên, nhà vua nghe xong khóc thương thảm thiết, động cả đất trời. Vua liền tức tốc đến thành Tỳ-xá-ly, chợt thấy A-nan đang ngồi kiết già trên thuyền ở giữa sông Hằng, nhà vua đánh lễ rồi nói kệ rằng:

Lạy Đấng tam giới tôn

Bỏ con ở nơi này

Tạm nương sức bi nguyện

Xin chớ vội Niết-bàn.

Lúc này vua Tỳ-xá-ly cũng ở bên kia bờ sông đánh lễ và nói kệ:

Tôn giả sao quá nhanh

Vào đạo tràng tịch diệt

Xin dừng lại giây lát

Để con được cúng dường.

Ngài thấy hai vua đều đến khuyến thỉnh, bèn nói kệ rằng:

Hai vua ở an vui

Chớ nên sầu bi khổ

Tôi an tịnh Niết-bàn

Vì không còn lậu hoặc.

A-nan lại suy nghĩ: “Nếu ta nhập Niết-bàn ở một nước, thì nước kia nổi lên tranh giành, thật là không nên, chi bằng nay ta đem tâm bình đẳng để hóa độ loài hữu tình vậy.” Nghĩ thế rồi ngài liền nhập Niết-bàn ngay giữa dòng sông Hằng. Bấy giờ núi sông đại địa chấn động sáu cách. Năm trăm Tiên nhân trong Tuyết sơn thấy điềm lạ ấy liền bay đến đánh lễ dưới chân A-nan, họ quỳ và thưa rằng: “chúng con theo Trưởng lão sẽ chứng được Phật pháp, ngưỡng mong Tôn giả thùy từ độ thoát chúng con!”

A-nan lặng yên nhận lời cầu thỉnh, ngài liền biến sông Hằng thành mặt đất bằng vàng ròng, làm đạo tràng diễn thuyết đại pháp cho Tiên nhân. A-nan lại nghĩ: Những vị đệ tử đã được độ thoát, nên đến đây nhóm họp. Chỉ trong khoảnh khắc năm trăm La-hán từ trên không đáp xuống, liền xuất gia thọ Cụ túc cho Tiên nhân. Trong chúng tiên nhân có hai vị La-hán. một người tên là Thương-na-hòa-tu, người kia tên là Mặt-diên-để-ca. A-nan biết họ là bậc Pháp khí, bèn bảo họ rằng: Xưa Như Lai đem đại Pháp nhãn truyền trao cho Đại Ca-diếp, khi Ca-diếp nhập định thì truyền lại cho ta. Ta nay sắp nhập diệt nên ta truyền lại cho các ông, các ông nên thọ nhận những gì ta đã dạy, nghe ta nói kệ đây:

Xưa nay truyền hữu pháp

Truyền rồi nói không pháp

Mỗi mỗi phải tự ngộ

Ngộ rồi không không pháp.

A-nan truyền Pháp nhãn tạng xong, toàn thân bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, nhập vào Tam-muội Long phấn tẩn, chia thân mình làm bốn phần. Một phần cho cõi trời Đao-lợi. Một phần cho Ta-kiệt-la Long cung. Một phần cho quốc vương Tỳ-xá-ly. Một phần cho quốc vương A-xà-thế. Bốn nơi ấy đều dựng tháp cúng

dường.

Bấy giờ là năm Quý Ty, đời Chu Lệ Vương năm thứ mười.
Tân Hợi: Thế Tôn nhập diệt được một trăm năm.

THƯỢNG TỌA BỘ, ĐẠI CHÚNG BỘ:

Truyện viết: Trăm năm về trước, các vị truyền thừa dòng pháp dù có dị pháp nhưng pháp vị chỉ là một. Năm vị truyền giáo, đầu tiên là Ca-diếp-ba truyền cho A-nan. A-nan truyền cho Thượng-na-hòa-tu. Thượng-na-hòa-tu truyền cho Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa truyền cho Mật-diên-đề-ca. Từ đó về sau một trăm năm, pháp vị ấy dần dần không còn chan hòa như nước với sữa mà bắt đầu chia chẻ làm nhiều phái. Mỗi Tông đều có một thấy biết riêng biệt, phân chia thành nhiều bộ phái, cũng từ đó xuất hiện hai bộ phái tiêu biểu.

- **Thượng tọa bộ:** Cuối cùng lập thành mười một bộ phái:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ.
2. Thượng tọa bộ.
3. Độc tử bộ.
4. Pháp thượng bộ.
5. Hiền trụ bộ.
6. Chánh lượng bộ.
7. Mật lâm sơn bộ.
8. Hóa địa bộ.
9. Pháp tạng bộ.
10. Âm quang bộ.
11. Kinh lượng bộ.

- **Đại chúng bộ:** Trong ba trăm năm trở lại đây các bộ phái cứ thế mà cùng nhau chia chẻ. Đại chúng bộ cuối cùng lập riêng thành chín bộ phái:

1. Đại chúng bộ.
2. Nhất thiết bộ.
3. Thuyết xuất thế bộ.
4. Kê dận bộ.
5. Đa văn bộ.
6. Thuyết giả bộ.
7. Chế đa sơn bộ.
8. Tây sơn trụ bộ.
9. Bắc sơn trụ bộ.

Than ôi! Chánh pháp thêm lụn bằng dây gai, pháp vị thêm sứt

bằng nước lã, những người mền mộ đạo pháp phải rối bời vì quá nhiều mẩu chốt khác nhau, chẳng biết ai đúng ai sai. Thương thay!

Giáp Tý ba mươi một (Canh Thân)

Niên hiệu Cộng Hòa năm đầu, vua mất, Khi còn sống, vua vốn vô đạo lại hủy báng. Trăm họ không dám nói đến chánh đạo, giữa đường gặp nhau chỉ lấy mắt mà nhìn. Do đó dân làm phản, giết vua ở đất Trệ. Chu Bá, Triệu Bá cùng nắm chánh sự, lấy niên hiệu là Cộng Hòa, trị vì được mười bốn năm.

TUYÊN VƯƠNG. (Giáp Tuất)

Tên là Tĩnh, con của Lệ Vương. Ban đầu vua chạy đến đất Trệ, Thái tử trốn trong nhà của Triệu Công. Muôn dân vây khốn, Triệu Công phải dùng con mình thay thế, nhờ đó Thái tử mới thoát. Đến khi trưởng thành, Chu Bá, Triệu Bá lập ông làm vua. Ông sửa sang lại phong tục đã có trong thời Văn Vương, Vũ vương, Thành Vương, Khương Vương. Chư hầu khôi phục lại Tông thất nhà Chu. Bấy giờ thiên hạ đại hạn, vua tự trách mình, sáu năm sau mới có mưa. Ông trị vì được bốn mươi sáu năm. Vua cùng quần thần, sử quan sửa chữ cổ của Thương Hiệt thành loại chữ Đại Triện. (Ngày nay ở Thạch cổ có mấy chữ. Đến đời Tống, Tô Thức chỉ giải được vài chữ).

Ất Mùi: Trịnh Hoàn Công: Tên là Hữu. Con út của Lệ Vương, em của Tuyên Vương. Ban đầu được phong ở đất Trịnh (Nay là huyện Hoa Âm), sau dời về Vinh Dương (nay là Tân Trịnh). Đến em của U Công là Quân, Ất mới làm vua. Từ Hoàn Công xuống đến Vũ, Trang, Lệ, Chiêu, Điệp, Anh, Lệ, Mục, Linh, Tương, Điệu, Thành, Ly, Giản, Định, Hiến, Thanh, Ai, Cung, Nhu, Quân, Ất. Tổng cộng hai mươi ba đời vua, trị vì hai trăm tám mươi một năm.

TỔ 3: THƯƠNG NA HÒA TU:

Ngài thuộc dòng dõi Tỳ-xá-đa, người ở nước Ma-đột-la, hay còn gọi là Xá-na-bà-tư. Cha là Lâm Thắng, mẹ là Kiều-xà-da. Ngài ở trong thai sáu năm mới sinh. Tiếng Phạm là Thương-mặc-ca, Hán dịch là Tự Nhiên Phục, đó là tên của một loài cỏ rất đẹp, có chín nhánh ở Tây Vực. Nếu có Thánh nhân xuất thế, thì loài cỏ này sẽ mọc ở nơi đất sạch. Lúc Tổ ra đời thì có loài cỏ này xuất hiện.

Xưa kia, khi Phật hành hóa đến nước Ma-đột-la. Ngài nhìn thấy một khu rừng xanh tốt, cảnh là sum suê, bèn nói với A-nan rằng: Rừng này tên là Ưu-la-trà. Sau khi ta diệt độ một trăm năm, sẽ có Tỳ-kheo

Thương-na-hòa-tu chuyển diệu pháp ngay nơi này.

Một trăm năm sau, quả nhiên Tổ đản sinh, xuất gia, chứng đạo và được Tôn giả A-nan truyền trao pháp nhãn, giáo hóa quần sinh. Và cuối cùng ngài dừng chân tại khu rừng ấy thuyết pháp hàng phục hai con rồng phun lửa quy thuận Phật pháp. Nhân đó loài rồng này dâng vùng đất đó cho ngài dựng tinh xá.

Sau khi hóa duyên đã lâu, Tổ nghĩ: Ta nên truyền trao Chánh pháp. Thế rồi ngài vân du đến nước Trá-lợi, gặp được Ưu-ba-cúc-đa. Ngài thấy Cúc-đa là người có thể tin cậy, nhân đó ngài hỏi Cúc-đa rằng:

- Người được bao nhiêu tuổi?
- Bạch thầy, con được mười bảy tuổi.
- Thân người mười bảy tuổi hay tánh người mười bảy tuổi?

Cúc-đa bèn hỏi lại:

- Đầu thầy tóc bạc, vậy tóc thầy bạc hay tâm thầy bạc?
- Tóc ta bạc không phải tâm ta bạc.

- Con cũng vậy, thân con mười bảy tuổi chứ không phải tâm con mười bảy tuổi.

Hòa-tu biết ngài là bậc Pháp thí. Ba năm sau Tổ thế phát và thọ Cụ túc cho ngài. Tổ nói: Xưa Như Lai đem Chánh pháp nhãn tạng vô thượng truyền cho Ca-diếp, cứ thế mà triển chuyển đến ta, nay ta sẽ truyền cho ông, ông chớ để đoạn dứt. Ông phải nhớ kỹ lời ta dạy, nghe ta nói kệ đây:

*Phi pháp cũng phi tâm
Không tâm cũng không pháp
Khi nói tâm pháp ấy
Pháp ấy phi tâm pháp.*

Nói kệ xong, ngài vào ở ẩn trong núi Nam Tượng Bạch ở nước Kế Tân. Về sau, từ trong Tam-muội, ngài thấy năm trăm đờ chúng đệ tử của Cúc-đa thường hay giải đãi. Tổ bèn đến nơi, hiện Long phấn Tam-muội để điều phục họ, mà nói kệ rằng:

*Thông đạt không đây kia
Chí Thánh không hay dở
Người trờ tâm khinh mạn
Chứng được A-la-hán.*

Năm trăm Tỳ-kheo nghe kệ xong, thực hành đúng như vậy, rốt cuộc chứng được quả A-la-hán. Tổ bèn hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội đốt thân. Tôn giả Cúc-đa đầu lấy xá-lợi,

an táng ở núi Phạm-ca-la. Năm trăm Tỳ-kheo đều cầm phan nghênh đón đến tận núi, rồi xây tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Tuyên Vương năm thứ hai mươi hai, năm Ất Mùi.

VUA GIẾT ĐỖ BÁ BỊ BÁO ỨNG:

Kỷ Mùi: Vua vô cớ giết Đỗ Bá, một hôm đi ra ruộng thấy Đỗ Bá cầm cung bắn ngay tim mình. Vua thất kinh, té khỏi xe, gãy xương sống rồi chết. (Việc này có ghi trong Mặc Tử Truyện).

Canh Thân: U Vương: Tên là Cung Niết, con của Tuyên Vương. Vua sủng ái Bao Tự, sinh ra Bá Phục. Ông phế Thái tử là Thân Hầu rồi lập Bá Phục làm vua. Bao Tự thường không cười, vua bèn nghĩ kế đốt lửa hiệu, đánh trống, chửi hầu tướng có biến bèn kéo quân đến, hóa ra không có giặc. Bao Tự thấy thế cười vang, vua vô cùng thích thú. Về sau Thân Hầu cùng giặc Khuyển Nhung xua quân đánh vua ở Kỳ sơn, vua đốt lửa làm hiệu nhưng chửi hầu chẳng ai đến cả. Thế là vua đành chết ở dưới núi. Từ đó lập Thái tử Tuyên Cửu làm vua để tế tự chu thất. Ông trị vì được mười một năm.

Canh Ngọ: Huệ Vương: Tên là Bá Phục con thứ của U Vương. Bình Tây Nhung giết vua, Bá Phục lên ngôi, muôn dân không phục, chưa đầy một năm thì bị phế.

Đông Chu: Gồm hai mươi bốn đời vua, đóng đô ở Lạc Dương .

BÌNH VƯƠNG: (Tân Mùi)

Tên là Nghi Cửu, là Thái tử của U Vương do Thân Hầu lập lên. Ông dời kinh đô về Lạc Dương ở phía Đông để lánh nạn, trị vì được năm mươi một năm.

Nhân Thân: Chửi hầu lạm dụng quyền chánh, xưng bá khắp nơi.

Tân Mão: Thế Tôn diệt độ được hai trăm năm.

TỔ 4: ƯU BA CÚC ĐA:

Ngài thuộc dòng Thủ-đà-la, người nước Trá-lợi. Ngài còn có tên là Ưu-ba-quật-đa hay Ô-ba-cúc-đa. Cha là Thiện Ý. Ngài xuất gia năm mười bảy tuổi, hai mươi tuổi thì chứng quả. Ngài đi khắp nơi để hoằng hóa, thậm chí đến tới nước Ma-đột-la. Những người được độ đông không kể xiết. Vì thế cung quý bị chấn động, ma Ba-tuần rất lo sợ, nên dùng hết ma lực để hủy hoại chánh pháp. Tổ liền nhập chánh định Long phần tấn để quán sát duyên do. Ba-tuần nhìn xem, thấy ngài nhập định bèn đem vòng Anh lạc quàng vào cổ ngài. Đến khi xuất định, ngài dùng

thần lực biến ba thầy chết: Người, chó, và rắn thành tràng hoa rồi dùng lời diệu ngọt dụ Ba-tuần rằng: Người đem chuỗi Anh lạc tặng ta, thật là vật đáng quý, ta nay có tràng hoa xin biếu lại cho ông đây!

Ba-tuần nghe xong mừng rỡ đưa cổ ra đón nhận. Tràng hoa liền biến thành ba thầy chết hôi hám, giới bọ hung nhúc, thối không thể tả. Ba-tuần nhàm gớm, sầu khổ vô cùng, dùng hết thần lực nhưng không sao rút đầu ra được, bèn mang cả lên Lục Dục thiên cầu cứu vua trời, rồi lại đến Phạm vương cầu cứu nhưng không thể nào thoát ra được.

Chư Thiên bảo rằng: Đó là thần thông do đệ tử Phật biến hóa ra bọn tôi là hàng phàm lậu làm sao giải trừ được!

Ba-tuần nói: Thế thì làm sao bây giờ?

Phạm vương nói: Ông nên quy phục Tôn giả thì sẽ được giải cứu ngay. Và Phạm vương nói kệ khuyên Ba-tuần rằng:

*Nếu ngã xuống đất
Từ đất đứng dậy
Lìa đất muốn dậy
Trợn không thể được.*

Ba-tuần nghe dạy xong liền rời khỏi cung trời xuống đánh lễ Tôn giả, chí thành sám hối.

Ngài hỏi: Từ nay trở đi, ông còn làm loạn chánh pháp của Như Lai nữa không?

Ba-tuần thưa: Con thề hồi tâm Phật đạo, vĩnh viễn dứt bỏ các việc bất thiện.

Tổ bảo: Nếu vậy thì ông hãy tự xưng rằng: Con quy y Tam bảo.

Ba-tuần chấp tay xưng đúng ba lần như vậy. Xưng xong tràng hoa liền rơi xuống đất. Ba-tuần vui mừng hơn hở, đánh lễ Tôn giả, rồi nói kệ rằng:

*Cúi lạy đấng Chánh định
Đệ tử Thánh Thập Lục (Phật)
Con nay nguyện quay đầu
Không làm kẻ thấp kém.*

Tại đây, những người được Tôn giả dẫn dắt, giáo hóa đến chứng quả là nhiều nhất. Khi độ được một người, thì ngài dùng một cái thẻ tre để vào ngôi nhà đá. Ngôi nhà đó dài mười tám khủy tay, rộng mười hai khủy tay, thế mà qua một thời gian, thẻ tre đầy ắp cả ngôi nhà.

Sau cùng có người con của một trưởng giả tên là Hương Chúng, đến đánh lễ và xin ngài xuất gia. Tổ hỏi rằng:

- Thân ông xuất gia hay tâm ông xuất gia?

- Con nay xuất gia chẳng vì thân tâm.
- Chẳng vì thân tâm thì ai là người xuất gia?

Phàm là người xuất gia thì không còn ngã và ngã sở, do không còn ngã và ngã sở nên tâm chẳng sinh diệt. Tâm không sinh diệt tức là thường đạo. Chư Phật cũng chính là cái thường đạo ấy. Tâm không hình tướng, thể ấy cũng như vậy.

Tổ nói: Ngay lúc ông đại ngộ thì tâm tự thông đạt, ông nên nương tựa Phật, Pháp, Tăng truyền thừa Thánh chủng.

Ngay đó Tổ bèn xuống tóc, truyền trao Cụ túc giới cho ông, và nói với ông rằng: Cha ông có lần mộng thấy mặt trời bằng vàng, nhân đó mà sinh ông, nay ta đổi tên ông là ĐỀ-ĐA-CA. Tổ lại bảo: Như Lai đem đại Pháp nhãn tạng lần lượt trao truyền đến ta, nay ta truyền trao lại cho ông, nghe ta nói kệ đây:

*Tâm từ xưa đến nay
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp.*

Truyền thuyết xong. Ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, xong về lại bến tòa kiết già mà tịch. ĐỀ-ĐA-CA lấy thẻ tre trong nhà đá làm vật để trà-tỳ Tổ. Trà-tỳ xong ngài thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh Tý, nhằm đời Chu Bình Vương năm thứ ba mươi.

Kỷ Mùi: Chu Bình Vương năm thứ bốn mươi chín, tức là Lỗ Ẩn Công năm đầu. Bộ Xuân Thu Biên Niên của Khổng Tử, bắt đầu ghi chép từ đây.

Nhâm Thân: Hoàn Vương: Tên là Lâm, cháu của Bình Vương. Vì Thái tử Tiết chết sớm, nên lập ông làm vua. Ông trị vì được hai mươi ba năm.

TRANG VƯƠNG:

Giáp Tý ba mươi ba (Ất Dậu): Trang Vương tên là Đà, con của Hoàn Vương, trị vì được mười lăm năm.

TỔ 5: ĐỀ ĐA CA. (Ất Sửu)

Ngài là người nước Ma-già-đà. Lúc sơ sinh, phụ thân ngài mộng thấy mặt trời vàng xuất hiện trong nhà, chiếu ánh sáng khắp cả trời đất. Lại thấy phía trước nhà có một ngọn núi cao có bảy món báu trang sức. Trên đỉnh núi có dòng suối nước trong vắt, chảy tràn bốn phía.

Sau này, ngài gặp được Tôn giả Cúc-đa, Tôn giả giải thích rằng: Núi báu ấy chính là thân ta. Suối nước tuôn chảy là dòng pháp vô tận. Mặt trời mọc trong nhà ông, là hiện tượng nhập đạo của ông hôm nay, ánh sáng chiếu khắp trời đất là trí tuệ siêu việt của ông.

Tôn giả vốn có tên là Hương Chúng, nhân điềm lành ấy nên tổ Ưu-ba-cúc-đa đổi tên ngài là Đề-đa-ca.

Tiếng Phạm là Đề-đa-ca, Hán dịch là Thông Chân Lượng.

Đề-đa-ca nghe thầy mình nói xong, vui mừng khắp khởi và xướng kệ rằng:

*Vòi vọi núi bảy báu
Thường tuôn suối trí tuệ
Chuyển thành vị Chân pháp
Hay độ người có duyên.*

Tôn giả Cúc-đa cũng nói kệ rằng:

*Pháp ta truyền cho ông
Sẽ hiện trí tuệ lớn
Mặt trời mọc trong nhà
Chiếu sáng khắp trời đất.*

Đề-đa-ca nghe bài kệ nhiệm mầu của thầy xong liền làm lễ rồi phụng trì.

Về sau, ngài đến vùng Trung Ấn Độ, tại đây có tám ngàn vị Đại tiên, trong đó Di-già-ca làm Thượng thủ. Nghe ngài đến, Di-già-ca thống lãnh Tiên chúng đến đánh lễ ngài và nói: Xưa tôi cùng thầy đồng sinh trên cõi Phạm thiên, tôi gặp Tiên nhân A-tư-đà truyền trao phép tiên, thầy gặp đệ tử Phật dạy cho thiên định. Từ đó đến nay tôi và thầy đã xa nhau đến sáu kiếp.

Tôn giả nói: Xa nhau chừng ấy kiếp quả thật không sai, nay ông có thể bỏ tà quy chánh để thâm nhập Phật thừa được rồi đó.

Di-già-ca nói: Thuở ấy Tiên nhân A-tư-đà thọ ký với tôi rằng: Sáu kiếp sau ông sẽ gặp người đồng học và chứng quả vô lậu. Ngày nay gặp nhau, lẽ đâu lại chẳng phải là túc duyên đó sao! Xin thầy Từ bi độ tôi giải thoát.

Tôn giả liền độ Di-già-ca xuất gia, trao truyền Thánh giới. Chúng Tiên nhân còn lại bắt đầu muốn sinh tâm ngã mạn. Tôn giả hiện đại thần thông, khiến họ phát khởi tín tâm. Bấy giờ tất cả Tiên chúng ấy phát tâm Bồ-đề đồng loạt xuất gia. Tôn giả bảo Di-già-ca rằng: Xưa Như Lai đem đại pháp Nhân tạng mật truyền cho tổ Ca-diếp, cứ thế mà lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta truyền lại cho ông, ông phải giữ gìn

truyền trao, chớ để đứt mất, rồi ngài nói kệ:

*Thông đạt gốc tâm pháp
Không pháp không phi pháp
Ngộ rồi đồng chửa ngộ
Không tâm cũng không pháp.*

Nói kệ xong. Ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội tự đốt thân. Di-già-ca cùng tám ngàn Tỳ-kheo thân lấy xá-lợi, dựng tháp tại núi Bàn-trà mà cúng dường. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Chu Trang vương năm thứ năm.

Canh Tý: Hy Vương, tên là Hồ Tề, còn có tên là Ly, con của Trang Vương, ông trị vì được năm năm.

Ngũ Bá lần lượt ra đời: Trung Dung Tử nói: Bá có nghĩa là Giả, vì dùng uy lực và hình phạt để phòng bị cho việc chánh sự, khiến cho nhân nghĩa không vươn lên được. Tần, Hán đều là bá đạo. Thời Xuân thu xưng bá gồm có năm nước. Tả truyện ghi: Tề Hoàn Công chín lần hội hợp chư hầu nhằm thống nhất thiên hạ. Khổng Tử gọi ông là người đứng đầu trong Ngũ bá. Tấn Văn Công mời Thiên tử đến Hà Dương để triều kiến chư hầu. Tần Mục Công do đánh Trịnh và bị thua ở đất Hào nên hối lỗi tu đức. Tống Tương Công minh ước ở Lộc Thượng, cầu chư hầu ở Sở, người nước Sở đồng ý. Sở Trang Công thống lãnh chư hầu đánh Trần, rồi lập Trần Linh Công, chư hầu đều quy phục.

Ất Ty: Tuệ Vương, tên là Lãng, con của Hy Vương. Ban đầu Trang Vương sủng ái người phi họ Cơ sinh được một người con là Đồi. Đồi được ân sủng nhưng sau thì tạo phản. Vua chạy sang Trịnh. Trịnh Bá đánh và giết chết Đồi rồi lập lại vua. Bấy giờ Tề Hoàn Công đánh Sở Tử vì tội Bao Mao không triều cống nhà Chu.

Giáp Tý ba mươi bốn: Tuệ Vương trị vì được hai mươi lăm năm.

TƯỚNG VƯƠNG: (Canh Ngọ)

Tên là Trịnh, con của Tuệ Vương. Khi Tử Đới làm loạn, vua chạy sang Trịnh, Tấn Văn Công giết chết Tử Đới lập ông làm vua. Ông trị vì được ba mươi ba năm.

Tân Mùi: Thế Tôn nhập diệt được ba trăm năm (Sau thời gian này, Bồ-tát Long Thọ tạo Trung luận... để phá trừ các thứ tà kiến. Sau nữa, có các đại Luận sư như Đề-bà... tạo Bách luận... để hoằng dương giáo nghĩa Đại thừa).

TỔ 6: DI GIÀ CA (Giáp Thân)

Ngài là người ở Trung Ấn Độ. Sau khi đắc pháp, ngài du hóa đến các nước ở Bắc Thiên Trúc giáo hóa chúng sinh. Một hôm ngài nhìn thấy trên thành có vầng mây màu vàng bèn nói: Đó là khí tượng của bậc Đạo nhân, trong thành tất có đại sĩ nổi pháp của ta.

Thế rồi ngài bèn vào thành. Khi vào đến chợ bồng thấy một người tay cầm bình rượu, đón ngài lại rồi hỏi:

- Thầy từ phương nào đến đây? Muốn đi về đâu?
- Ta từ tự tâm đến, muốn đi về nơi không xứ sở.
- Thầy biết vật trong tay tôi chẳng?
- Đó là cái bình dơ nhưng đựng đồ sạch.
- Thầy biết tôi không?
- Ta thì chẳng biết, biết thì chẳng phải là ta.

Ngài lại bảo:

- Ông thử nói tên họ, ta sẽ chỉ cho ông biết cái nhân đời trước.

Người ấy bèn nói kệ đáp rằng:

*Tôi từ vô lượng kiếp
Đến sinh trong nước này
Vốn họ Phả-la-đọa
Tên là Bà-tu-mật.*

Nghe xong, Ngài nói: Thầy ta là Tôn giả Đề-đa-ca nói rằng: Xưa kia Thế Tôn vân du đến Bắc Ấn Độ có bảo với A-nan: “Sau khi ta diệt độ ba trăm năm, trong nước này có một Thánh nhân ra đời. Ông ấy họ Phả-la-đọa, tên là Bà-tu-mật, sẽ làm Tổ thứ bảy của Thiên tông.” Thế Tôn đã thọ ký cho ông rồi, ông nên xuất gia đi.

Người ấy nghe thế liền đặt bình rượu xuống đất. Lạy ngài, rồi đứng sang một bên thưa: Con nhớ lại kiếp xưa, con từng làm thí chủ cúng dường Phật một bảo tòa. Đức Phật đó thọ ký con rằng: Ông sẽ ở trong giáo phái của Phật Thích-ca vào thời Hiền kiếp mà xiển dương chánh pháp”. Ngày nay thật phù hợp với lời của thầy, xin thầy Từ bi độ thoát cho con.

Ngài liền thế phát và truyền đủ tướng cho Bà-tu-mật, rồi nói với ông rằng: Chánh pháp nhân tạng nay sẽ truyền lại cho ông, ông chớ để đoạn dứt.

Rồi ngài nói kệ rằng:

*Không tâm không thể được
Nói được chẳng phải pháp
Nếu rõ tâm phi tâm*

Mới hiểu tâm tâm pháp.

Nói kệ xong, ngài nhập vào Tam-muội Sư tử phấn tấn bay bổng lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, sau đó về lại bản tòa, hóa ra lửa tự đốt thân. Bà-tu-mật thâu nhật xá-lợi để trong bình bảy báu, xây tháp đặt trên tầng cao nhất má cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Thân, nhằm đời Chu Tương Vương năm thứ mười lăm.

Quý Mão: Khoảnh Vương: Tên là Nhâm Thần, con của Tương Vương. Ông trị vì được sáu năm. (Lúc này Sở Trang Vương mới xưng bá).

Kỷ Dậu: Khuông Vương: Tên là Ban, con của Khoảnh Vương, trị vì được sáu năm.

Nhâm Tý: Có thuyết nói: Năm này là năm Thế Tôn nhập diệt. Phá tà luận dẫn lầm.

ĐỊNH VƯƠNG: (Ất Mão)

Tên là Du, con của Khuông Vương, trị vì được hai mươi một năm. Sở Tử hỏi cửu đỉnh (chín đỉnh) lớn hay nhỏ, nặng hay nhẹ.

LÃO ĐAM SINH Ở NƯỚC SỞ (Đinh Tỵ)

Ngày mười bốn tháng chín năm này, Lão Đam sinh ở thôn Khúc nhân làng Lại, huyện Khổ, quận Trần thuộc nước Sở. Ngụy Thư chép: Cha Lão Đam họ Hàn, tên là Càn, tự là Nguyên Tất, mẹ là Tinh Phu. Ông ở trong thai tám mươi năm, sinh dưới gốc cây Lý, nhân đó đặt ông họ Lý. Ông tên là Nhĩ, tự là Dương Bá. Thân ông cao bốn thước sáu tấc, trán dô, mày rậm, trái lại môi thì sứt, mũi thì gãy, nhọn, háng rộng, tai không có vành, đầu tóc bờm xờm, nhân đó mới lấy thụy là Đam. Có điều gì nghi ngờ thì tự mình biết lấy, mỗi đạo ấp ủ trong lòng, ba đức quý thường thấy trong công việc. Đó là từ, kiệm và khiêm nhường.

Năm Kỷ Mão đời Cảnh Vương, có khí tía nổi lên ngay môn quan, nhân đó ông muốn đi Lưu Sa. Bấy giờ có hàm quan lệnh là Doãn Hỷ biết ông và xin thỉnh giáo. Lão Đam nhân đó mới soạn đạo đức kinh gồm hai thiên, tổng cộng năm ngàn lời. Nội dung đều bàn về đại đạo. Soạn xong ông tiếp tục đến Lưu Sa và mất ở Hòe Lý. Năm ông tám mươi bốn tuổi, có lần Tần Dật đến viếng thăm, gọi ba lần ông mới chịu ra tiếp, vì ông biết nhà Chu sắp mất thiên hạ.

Giáp Tý ba mươi lăm: Mộ ông tại Hòe Lý về phía Tây nam ba mươi dặm, phía Bắc sông Vị (nay là huyện Hưng bình). Phật sinh trước ông ba trăm bốn mươi lăm năm (?).

TỔ 7: BÀ TU MẬT (Tân Mùi)

Ngài họ Phả-la-đọa. Sinh trưởng tại Bắc Thiên Trúc. Ngài thường mặc áo quần sạch sẽ, tay cầm bầu rượu ngao du khắp xóm làng. Có lúc thì ngâm nga, có khi thì hò hét, mọi người cho ngài là người điên.

Đến khi gặp tổ Di-già-ca nói lại lời huyền ký của Như Lai, ngài liền tỉnh ngộ tiền duyên, vứt bầu rượu xuất gia, thọ pháp.

Thế rồi ngài hoàng hóa đến nước Ca-ma-la, xiển dương Phật pháp.

Một hôm, trước pháp tòa bỗng xuất hiện một Trí giả lớn tiếng tự xưng: Tôi là Phật-đà-nan-đề, hôm nay quyết luận nghĩa với thầy!

Ngài bảo: Này Nhân giả! Nếu luận thì chẳng phải nghĩa, nếu là nghĩa thì chẳng phải luận. Nếu nghĩ đến luận nghĩa thì trọn chẳng phải nghĩa luận.

Nan-đề biết ngài là người luận nghĩa thù thắng, liền khởi tâm kính phục và thưa: Con nguyện cầu đạo, nhận lãnh pháp vị Cam lồ.

Ngài bèn xuống tóc xuất gia và truyền Cụ túc giới cho Nan-đề. Ngài lại bảo ông rằng: Nay ta truyền trao Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai cho ông, ông phải thường giữ gìn, rồi ngài nói kệ:

*Tâm đồng côi hư không
Pháp ngang bằng hư không
Khi chứng được hư không
Không pháp không phi pháp.*

Nói kệ xong, ngài nhập vào Từ tâm Tam-muội. Bấy giờ Phạm Vương, Đế Thích cùng chúng các côi trời đều đến đánh lễ nói kệ rằng:

*Trong Thánh tổ Hiền kiếp
Ngài là Tổ thứ bảy
Tôn giả thương xót con
Xin diễn nói Phật địa.*

Ngài liền xuất định dạy họ rằng: Pháp mà ta chứng đắc không phải có, nếu các ông muốn biết Phật địa (quả Phật) cần phải lìa có, không.

Nói lời ấy xong, ngài lại nhập định hiện tướng Niết-bàn. Nan-đề dựng tháp bảy báu ngay nơi pháp tòa ấy để an táng toàn thân ngài. Bấy giờ là năm Tân Mùi, nhằm đời Chu Định Vương năm thứ mười bảy.

Bính Tý: Giản Vương: Tên là Di, con của Định Vương, trị vì được mười bốn năm.

Đinh Sửu: Lão Tử làm quan cho nhà Chu, giữ chức thủ tàng. Bấy giờ ông được hai mươi hai tuổi.

Kỷ Sửu: Lão Tử chuyển sang làm Thái sử lệnh, bấy giờ ông đã ba mươi bốn tuổi. Có thuyết nói: Giữ chức trụ hạ sử. Từ đó đến năm mười bốn năm sau không đổi chức nữa, bấy giờ người ta gọi ông là quan ở ẩn. Giản Vương năm thứ mười bốn tức Lỗ Tương Công năm đầu.

LINH VƯƠNG: (Canh Dần)

Tên là Tiết Tâm, con của Giản Vương, vừa sinh ra đã có râu mép. Ông trị vì được hai mươi bảy năm. Năm thứ hai mươi mốt, thì Lão Tử đã năm mươi lăm tuổi.

KHỔNG TỬ SINH Ở NƯỚC LỖ. (Canh Tuất)

Ông sinh ngày bốn tháng mười một đời Lỗ Tương Công năm thứ hai mươi mốt, tại nước Lỗ (nay là thôn Phổ xương, làng Bình, ấp Trâu thuộc Huyện châu) ông là hậu duệ đời thứ chín của Ân Công.

Theo Ân Bản Kỷ ghi: Cha ông họ Thúc Lương, tên là Hột, là người đứng đầu trong ấp Trâu. Cha ông lấy con gái họ Trâu, sinh được Mạnh Bì, nhưng Bì vốn bất tài. Sau lấy con gái họ Nhan tên là Trưng. Hai người lên cầu Thần ở núi Ni khâu, nhân đó sinh ra Khổng Tử. Vừa sinh ra ông đã có tóc. Thân ông cao chín thước sáu tấc, lưng dài mười vi (năm thước), tay dài qua gối, mắt xanh, miệng rộng, dáng mặt như rồng, trán vuông, mắt phụng, hàm én, râu rồng, nhìn như hổ. Người ông có đức trung hòa, y phục tao nhã nhưng uy nghiêm, sắc diện ôn hòa nhưng quả quyết. Ông có bốn mươi hai đức tướng tiêu biểu như Thế Gia, nên từ đó đổi thành họ Khổng, tên Khâu, tự là Trọng Ni. Đến đời Đường Huyền Tông ông được ban thụy là Văn Tuyên Vương. Tổ tiên ông là hậu duệ của nhà Ân, đến đời ông Hột thì dời về đất Lỗ, và đổi họ là Thúc Lương. Về sau Khổng Tử truy tìm họ tên của tổ tiên ngày xưa, lấy chữ Tử kết hợp với chữ Nhất và đổi thành họ Khổng. Đó đủ thấy rằng ông không quên nguồn cội tổ tiên.

Sở học của ông vượt xa thầy bạn, tự nhiên trở thành bậc anh tài lỗi lạc xuất chúng. Thánh đức với vợ, người đời gọi ông là ông vua sáng suốt. Ông suốt đời nêu tỏ đạo lớn, dạy dỗ mọi người.

Lỗ Ai Công năm thứ mười một, ông từ Vệ trở về Lỗ, soạn văn, giảng dạy ở bến Chu tứ, thuật lại phong tục hiến chương, văn võ từ thời Nghiêu, Thuấn, san định sử nước Lỗ, soạn bộ Xuân Thu, ghi chép những việc trong hai trăm bốn mươi hai năm, bắt đầu từ năm Kỷ Mùi đời Chu Bình Vương, Lỗ Ân Công, đến năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thì chấm dứt. Trong đó ông thuật rõ những việc suy tàn của Vương thất,

những chư hầu xưng bá, những việc khen, chê, được, mất... cuối cùng kết thúc ở câu “bất được Kỳ lân”. Học trò ông sau này, có đến năm người viết truyện, đó là Tả Khâu Minh, Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Trâu thị và Giáp thị.

Ông soạn định ba trăm câu kinh thi, vịnh quốc phong, Nhã, Tụng luận về đạo chánh biến, sau này phân thành Tứ thư. Kinh thi lấy Quan Nhã làm đầu, trước tiên nói về đạo vợ chồng, kế đến luận về đạo cha con, vua tôi, tam cương, thuận nghịch, luận về chánh sự, định lại thượng thư, cả thầy gồm một trăm thiên. Bắt đầu từ Nhị điển, đến Tam vương điển, những lối văn như: Mô, Thệ, Cáo đều nói đến rất rõ. Sau khi nhà Tần đốt sách, Nho học nhà Hán mới khôi phục lại những khẩu truyền ấy. Vì vậy đã mất đi hơn hai mươi thiên. Lễ nhạc có hai thiên, lễ ký có bốn mươi chín thiên, trong đó Khúc lễ đứng đầu. Kết thúc nói về tang phục dựa theo tinh thần hiếu đễ. Việc lập vua trị nước đều nói đến rất đầy đủ. Truyện thì có Từ Sinh là người đứng đầu. Chu Lễ thì có Lục quan, Quân vương có đến một trăm bảy mươi lăm vị. Luận về tông miếu xã tắc, vương hầu về những lễ nghi, cách thức trong triều, hầu như tất cả nghi thức cúng tế đều nói rất đầy đủ. Về kinh dịch thì bắt đầu từ thái cực, sinh ra lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái, từ đó vạn vật phát sinh. Ông soạn Thập Dực Thi để giải thích rất rõ. Đó là: Thượng hệ, hạ hệ, thượng thoán, hạ thoán, thượng tượng, hạ tượng, văn ngôn, thuyết quái, tự quái, tạp quái. Những người được truyền thừa xưa nay rất đông. Học trò của ông cả thầy ba ngàn người. Những người đỗ đạt có bảy mươi hai vị, phân thành bốn khoa, mười triết. Đức hạnh thì có Nhan Hồi, Mẫn Tử, Nhiễm Canh, Trọng Cung. Tài ăn nói có Tể Dư, Đoan Mộc, Tử. Chánh sự có Nhiễm Cầu, Trọng Do. Văn học có Ngôn Yển, Bốc Thương, Tử Lý, Bá Ngự, Tôn Hấp, Tử Tư đều là những người trong số đó. Ông thọ bảy mươi ba tuổi. Phật trước ông hai trăm chín mươi chín năm (?).

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được bốn trăm năm (Bấy giờ các đại Luận sư ở nước Ca-thấp-di-la dựa vào Pháp Trí Luận soạn ra Tỳ-bà-sa Luận).

CẢNH VƯƠNG: (Đinh Tỵ)

Tên là Quý, con thứ của Linh vương, trị vì được hai mươi lăm năm.

TỔ 8: PHẬT ĐÀ NAN ĐỀ:

Giáp Tý ba mươi sáu (Bính Dần).

Ngài thuộc dòng họ Cù-đàm, sinh trưởng tại nước Ca-ma-la. Trên đầu ngài có nhục kế, biện tài vô ngại. Thuở ấy ngài gặp Tôn giả Bà-tu-mật và xuất gia thọ giới. Sau, nhận lãnh đồ chúng, hoằng hóa đến nhà họ Tỳ-xá-la trong nước Đề-ca, ngài thấy trong nhà ấy có vòng hào quang màu trắng xông thẳng lên trời, ngài nói với đồ chúng rằng: Trong nhà này có Thánh nhân, tuy miệng không nói một lời nhưng là bậc Đại thừa pháp khí, chân không bước khỏi nhà nhưng biết tất cả việc tịnh uế.

Vừa nói xong, trưởng giả từ trong nhà đi ra đánh lễ và hỏi thăm ngài cần điều gì không. Ngài bảo:

- Ta đến tìm một người Thị giả.

Trưởng giả thưa: Con có một đứa con trai tên là Phục-đà-mật-đa, nay đã năm mươi năm nhưng nó chưa từng nói một lời, chưa từng đi nửa bước.

Ngài bảo: Người mà ông nói đến đó đích thực là đệ tử của ta.

Trưởng giả mời ngài vào nhà, vừa thấy ngài, Phục-đà-mật-đa liền ngồi dậy đánh lễ mà nói kệ rằng:

*Cha mẹ chẳng phải thân?
Ai là người chí thân
Chư Phật chẳng phải đạo? (Của tôi)
Ai là bậc Chí đạo.*

Ngài liền dùng kệ trả lời:

*Lời ông cùng tâm thân
Cha mẹ đâu thể sánh
Hạnh ông hợp với đạo
Chư Phật chính là tâm,
Ngoại cầu Phật có tướng
Đâu có giống với ông
Ông muốn biết bốn tâm
Chẳng hợp cũng chẳng lia.*

Phục-đà-mật-đa nghe bài kệ nhiệm mầu của ngài xong, liền bước đi bảy bước. Ngài nói: Đứa con này thuở xưa từng gặp Phật, phát bi nguyện rộng lớn, nghĩ đến tình cảm cha mẹ khó lia, nên chẳng nói chẳng đi.

Bấy giờ, trưởng giả cho con xuất gia. Ngài liền truyền trao giới pháp cho Phục-đà-mật-đa, rồi bảo ông rằng: Nay ta đem Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai truyền lại cho ông, ông chớ để đoạn dứt, ngài bèn nói kệ:

*Hư không chẳng trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu liễu đạt hư không
Là đạt lý chân như.*

Mật-đa nhận lãnh bài kệ của thầy mình xong, liền dùng kệ ngợi khen rằng:

*Thầy tôi trong Thiên tổ
Hiện là vị thứ tám
Giáo hóa chúng vô lượng
Tất chúng A-la-hán.*

Bấy giờ Tôn giả Phật-đà-nan-đề liền hiện thân thông biến hóa, xong trở về lại bốn tòa an nhiên mà tịch diệt. Toàn chúng dựng bảo tháp an táng toàn thân ngài. Bấy giờ là năm Bính Dần nhằm đời Chu Cảnh Vương năm thứ mười.

Ất Hợi: Bấy giờ Khổng Tử được hai mươi sáu tuổi, đi vào Chu Thất hỏi Lão Đàm về lễ nghĩa. Lão Đàm bấy giờ đã bảy mươi chín tuổi.

Kỷ Mão: Lão Đàm mất trong năm này, thọ tám mươi bốn tuổi.

Tân Ty: Tháng tư thì vua mất. Lưu Tử, Đan Tử lập Mãnh làm vua. Tháng sáu, Tử Triều làm loạn. Tháng mười, Tấn tiêu nạp vua ở Vương thành. Tháng mười một, Mãnh mất (Đó là Điệu Vương).

KÍNH VƯƠNG: (Nhâm Ngọ)

Tên là Cái, em của Điệu Vương. Lưu Hiến Công, Đan Tử, Mục Công, Hàn Tuyên... đánh phạt Tử Triều, lập ông làm vua. Ông trị vì được bốn mươi ba năm.

Ất Dậu: Mùa đông giết Đan, đánh đuổi Vương Tử Triều chạy vào thành nhà Chu. Từ đó gọi thành của vua là Tây Chu, thành của nhà Chu (Thiên Tử) là Đông Chu.

Nhâm Thìn: Chu Kính Vương năm thứ mười một, chính là Lỗ Định Công năm đầu.

Tân Sửu: Khổng Tử làm quan tư khấu nước Lỗ. Bấy giờ ông đã năm mươi hai tuổi rồi.

Quý Mão: Khổng Tử bỏ Lỗ sang Vệ.

Ất Ty: Khổng Tử qua Tống qua Trần.

Mậu Thân: Khổng Tử vi hành sang Tống.

Kỷ Dậu: Khổng Tử bị vây khốn ở Trần.

Canh Tuất: Chu Kính Vương năm thứ hai mươi tám chính là Lỗ Ai

Công năm thứ mười một. Khổng Tử từ Vệ trở về Lỗ, soạn bộ Xuân Thu, san định Lục Kinh. Bấy giờ ông đã sáu mươi mốt tuổi.

TỔ 9: PHỤC ĐÀ MẬT ĐA: (Giáp Dần)

Ngài thuộc dòng họ Tỳ-xá-la, sinh trưởng tại nước Đê-ca. Sau khi được Tôn giả Phật-đà-nan-đề truyền trao chánh pháp, ngài hoằng hóa đến xứ Trung Ấn Độ. Bấy giờ có trưởng giả tên là Hương Cái dẫn đưa con đến đánh lễ Tôn giả và thưa rằng: Đứa trẻ này ở trong thai sáu mươi năm, nhân đó tôi đặt tên nó là Nan Sinh. Trước đây tôi từng gặp một vị Tiên đến xem tướng nó rồi bảo rằng: Thành bé này tướng mạo phi phàm, sẽ làm bậc Pháp khí. Nay gặp được Tôn giả xin ngài cho nó xuất gia.

Thế rồi Tôn giả liền xuống tóc truyền giới cho Nan Sinh. Trong buổi lễ Yết-ma, bỗng có ánh quang minh chiếu soi chỗ Nan Sinh ngồi, lại có ba mươi hạt xá-lợi hiện ngay trước mặt. Từ đó ngài tinh tấn tu hành quên cả mỗi mệ. Sau khi đắc pháp, Tôn giả bảo ngài: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn. Ngài bèn nói kệ:

*Chân lý vốn không tên
Nhân tên bày chân lý
Nhận được pháp chân thật
Chẳng chân cũng chẳng nguy.*

Sau khi truyền pháp xong, Tôn giả bèn nhập diệt tận chánh định mà Niết-bàn. Đồ chúng dùng dầu thơm chiên-đàn trà-tỳ thân thể của ngài, thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường tại chùa Na-lan-đà. Bấy giờ là năm Giáp Dần, nhằm đời Chu Kính Vương năm thứ ba mươi ba.

Canh Thân: Khổng Tử kết thúc cuộc đời viết lách của mình bằng câu “bắt được Kỳ lân”.

Nhâm Tuất: Chu Kính Vương năm thứ bốn mươi, chính là Lỗ Ai Công năm thứ mười sáu. Ngày tám tháng tư năm này, Khổng Tử mất tại Khúc phụ. Năm thứ bốn mươi ba, nước Ngô bị diệt vong.

Giáp Tý ba mươi bảy (Bính Dần): Nguyên Vương: Tên là Nhân, con của Kính Vương, trị vì được tám năm (Việt Vương Câu Tiễn bắt đầu xưng bá).

TRINH ĐỊNH VUỐN: (Quý Dậu)

Tên là Giới, con của Nguyên Vương, trị vì được hai mươi tám năm.

Tân Mão: Thế Tôn diệt độ được năm trăm năm.

TỔ 10: HIẾP TÔN GIẢ: (Kỷ Hội)

Ngài tục danh là Nan Sinh, sinh trưởng tại Trung Ấn Độ. Lúc ngài sắp chào đời, phụ thân ngài nằm mộng thấy có một con voi trắng từ bên ngoài đi thẳng vào nhà. Trên lưng voi chở một bảo tọa, trong bảo tọa có một hạt minh châu. Ánh sáng hạt minh châu chiếu sáng cả bốn phía. Ông giật mình tỉnh giấc thì đúng lúc ngài ra đời.

Về sau ngài gặp được Tôn giả Phục-đà và được thụ nhận làm Thị giả. Cũng từ đó ngài tinh tấn tu hành chưa từng ngủ nghỉ, suốt ngày đêm chưa từng đặt lưng xuống chiếu. Vì thế người bấy giờ gọi ngài là Hiếp Tôn giả.

Sau khi lãnh thọ chánh pháp xong, ngài vân du khắp nơi để hoằng hóa. Một hôm đến nước Hoa Thị, ngài tạm nghỉ dưới bóng cây đại thụ. Khi ấy ngài lấy tay chỉ xuống mặt đất rồi bảo đại chúng: Khi nào đất này biến thành màu vàng sẽ có Thánh nhân đến đây dự hội.

Ngài vừa nói dứt lời, mặt đất bỗng biến thành màu vàng, lát sau có một thanh niên con nhà trưởng giả tên là Phú-na-dạ-xa đứng trước ngài chấp tay đánh lễ. Nhân đó ngài hỏi rằng:

- Ông từ đâu đến đây?

Người kia mới thưa:

- Tâm con chẳng đến đi.

- Ông trụ ở đâu?

- Tâm con chẳng phải dừng.

- Ông chẳng an định sao?

- Chư Phật cũng như vậy.

- Ông chẳng phải chư Phật?

- Chư Phật cũng chẳng phải.

Nhân đó Tôn giả nói kệ rằng:

*Đất này hóa màu vàng
Biết có Thánh nhân đến
Ngồi dưới cội Bồ-đề
Hoa giác sẽ nở rộ.*

Phú-na-dạ-xa cũng nói kệ:

*Thầy ngồi trên đất vàng
Thường nói nghĩa chân thật
Ánh sáng chiếu qua con
Khiến con nhập chánh định.*

Tôn giả biết rõ ý của Phú-na-dạ-xa, nên ngài liền cho xuất gia và truyền trao giới pháp.

Một hôm ngài bảo Phú-na-dạ-xa rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta truyền trao cho ông, ông phải khéo giữ gìn. Và ngài nói kệ:

*Chân thể vốn sẵn chân Từ chân nói lý
có.*

*Chúng được pháp Chân chân Không đi cũng
chẳng dừng.*

Truyền pháp xong, Tôn giả liền hiện thần thông biến hóa, nhập Niết-bàn tự dùng lửa đốt thân. Bốn chúng dùng túi vải đựng xá-lợi dựng tháp khắp nơi để cúng dường. Bấy giờ là năm Kỷ Hợi, nhằm đời Trinh Định Vương năm thứ hai mươi bảy.

Tân Sửu: Khảo Vương: Tên là Ngôi (còn có tên là Ngổ) con của Trinh Vương, ông trị vì được mười bảy năm.

Bính Thìn: Uy Liệt Vương: Tên là Ngọ, con của Khảo Vương, ông ở ngôi được hai mươi bốn năm.

Giáp Tý ba mươi tám. Uy Liệt Vương năm thứ mười chín, Ngụy chiêu đãi hiền sĩ, đức độ của Ngụy Văn Hầu ban bố từ đây.

Đinh Sửu: Bộ Thông Giám ra đời do Tư Mã Quang của đời Tống gom tập lại.

Mậu Dần: Vua Tấn phong Triệu, Ngụy, Hàn làm chư hầu. Từ đây được gọi là Thất Hùng (Bảy nước hùng mạnh).